

Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Thúy Hạnh.

Thư ký phiên họp: Bà Bạch Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Hoàng Thị Cẩm Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 61/2026/TLST-HNGĐ, ngày 05/3/2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân gia đình số 45/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc **Hôn nhân gia đình**:

1. Chị Nguyễn Thị T; sinh ngày 28/7/1996; căn cước số 040196020238; Hộ chiếu số C9968205; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm B, xã Đ, tỉnh Nghệ An (có mặt).

2. Anh Hà Phi C; sinh ngày 19/4/1992; căn cước số 042092007807; Hộ chiếu số N1916852; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố G, phường T, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang cư trú tại Velka B, Cộng hòa X-va-kia (vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, Bản tự khai cũng như các tài liệu khác có tại hồ sơ, chị Nguyễn Thị T và anh Hà Phi C trình bày thống nhất như sau:

- Quan hệ hôn nhân: Ngày 27/3/2025, chị Nguyễn Thị T và anh Hà Phi C đã được Đ tại nước Cộng hòa X-va-kia đăng ký kết hôn. Việc **kết hôn là** tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Mặc dù đã cố

gắng tìm phương án để dung hòa nhưng không có kết quả. Từ tháng 8/2025 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên cả hai đương sự đều có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp: Chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu. Anh Hà Phi C vắng mặt (có đơn xin vắng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau, đề nghị Tòa án áp dụng khoản 2 Điều 29; Điều 35; khoản 2 Điều 39; các Điều 361; khoản 2 Điều 367; 371; 372; 396; 397; khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 57 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 4; khoản 1 Điều 35, khoản 1, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hà Phi C. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Hà Tĩnh, Tòa án nhân dân khu vực 1-Hà Tĩnh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị T và anh Hà Phi C đều có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh công nhận thuận tình ly hôn. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 29, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 1-Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Đơn yêu cầu và các tài liệu chứng cứ kèm theo của anh Hà Phi C có xác nhận của Đ tại Cộng hòa X-va-ki-a được xác định là hợp pháp.

[1.3] Tại phiên họp, anh Hà Phi C vắng mặt, tuy nhiên anh đã có đơn yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng anh C theo thủ tục chung.

[2.] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hà Phi C tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 27/3/2025 tại Đ tại nước Cộng hòa X-va-ki-a. Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân của anh C và chị T là hợp pháp.

Xác định tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Hà Phi C thấy rằng: Cả hai anh chị đều thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đều xác định được nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nhưng lại không có biện pháp hàn gắn tình cảm mà lựa chọn giải pháp ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[2.2] Quan hệ con chung: Các đương sự không có con chung.

[2.3] Quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Lệ phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; Điều 35; Điều 361, khoản 2 Điều 367; các Điều 369; 370; 371; 372; khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 55; Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 3 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 4; khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hà Phi C.

2. Về lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng lệ phí số 000013296022, mã tham chiếu số G22.99.7-260305556968, ngày 05/3/2026 của Kho bạc Nhà nước Khu vực X.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký (ngày 27/3/2026).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- *VKSND khu vực 1- Hà Tĩnh (02 bản)*
- Phòng THADS khu vực 1- Hà Tĩnh;
- ĐSQ Việt Nam tại Cộng hòa Xlo-va-ki-a;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**Trần Thị Thúy Hạnh**